

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HS-ST

Ngày: 22-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Triệu Thị Út Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Xuân Tụu – Cán bộ Hưu trí;

Bà Chu Thị Thu Trang - Bí thư Đoàn TNCS Hồ

Chí Minh thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bè.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Chu Đức Quế - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:** Ông Ma Thế Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2025/TLST-HS, ngày 08 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Triệu Đào T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1968 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Chiều T1 và bà Lý Mùi T2; vợ: Bàn Mùi Lai; con: 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

* **Người bào chữa:** Ông Đinh Xuân D – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Ngọc D1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quốc T3 – Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện B. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

- Cháu Triệu Tồn L, sinh ngày 25/8/2007; Vắng mặt.

- Cháu Triệu Văn N, sinh ngày 01/5/2009; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của L và N là anh Triệu Chòi V, sinh năm 1987 (bố đẻ). Vắng mặt.

- Cháu Triệu Tạ C, sinh ngày 07/02/2008; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của C là anh Triệu Chòi C1, sinh năm 1991 (bố đẻ). Vắng mặt.

Đều có nơi cư trú: Xóm C, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2023, Triệu Đào T nảy sinh ý định phát phá khu rừng đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên Triệu Đào T và Bàn Mùi Lai ở khu P thuộc thôn C, xã H, huyện B để trồng cây mỡ. Do có một mình nên Triệu Đào T có ý định dùng máy cưa xăng cầm tay để cắt hạ các cây gỗ to trước rồi mới phát cây nhỏ, dây leo sau. Toòng chặt hạ được 07 cây gỗ nhưng do cây đổ xuống vướng không phát được nên T đã tự mình xẻ ra thành khúc rồi một mình sử dụng xe moóc mượn của anh trai tên Lý Kiểm O để chở số gỗ này về làm củi và tận dụng làm chuồng trại. Sau đó, Triệu Đào T có nhờ con dâu là Lý Thị P hộ phát 01 buổi rồi P đi làm công nhân, khoảng 01 tuần sau có Triệu Tồn L, Triệu Văn N, Triệu Tạ C cùng trú tại thôn C, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng là cháu đến học chữ nho với Triệu Đào T và T đã thuê 03 cháu dùng dao phát dây leo, cây nhỏ, cỏ bụi, còn T dùng cưa xăng cầm tay cắt hạ các cây gỗ. Toòng cùng L, N và C phát phá trong 03 ngày thì xong diện tích cần phát phá (không nhớ ngày bắt đầu và ngày kết thúc). Sau khi phát phá, T đã dùng lửa đốt, dọn thực bì trên toàn bộ khu đất và thuê anh Phùng Kiểm C2, sinh năm 1992, trú tại thôn N, xã H, huyện B dùng xe tắc tị chuyển khoảng 03m³ gỗ đi về nhà Toòng với giá 200.000 đồng.

Đến ngày 03/5/2024 hành vi phát phá rừng của Triệu Đào T4 bị Hạt kiểm lâm huyện B phát hiện lập hồ sơ, xác định có dấu hiệu tội phạm nên đã chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý, giải quyết theo quy định.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định được tổng diện tích rừng bị chặt phá là 6.591,7m², lâm sản bị thiệt hại còn tại hiện trường là 3,822m³ gỗ thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, thuộc các lô 69, 71, 73 khoảnh 1, tiểu khu F theo bản đồ rà soát, quy hoạch 03 loại rừng năm 2018 xã H, huyện B thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Trong số diện tích 6.591,7m² rừng bị hủy hoại có 2.920,1m² thuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ số 2, tên chủ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là ông Triệu Đào T và bà Bàn Mùi L1; 3.671,6m² thuộc thửa đất số 387, tờ bản đồ số 2, tên chủ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là ông Ma Thế D2 và bà Dương Thị T5 cùng trú tại thôn N, xã H, huyện B trước đó đã chuyển nhượng cho ông Triệu Đào T, bà Bàn Mùi L1. Khu rừng trên thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Triệu Đào T khai nhận: Khoảng tháng 6/2023, bị cáo đã tự ý phát phá và thuê người phát phá khu rừng ở P, việc phát phá rừng được thực hiện trong thời gian khoảng 3 ngày thì xong diện tích cần phát phá. Bị cáo không bàn bạc với ai, không xin phép và không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được trong khoảng tháng 6/2023, khi Nông Phan T6 là cán bộ Trạm kiểm lâm H thuộc Hạt kiểm lâm huyện B cùng Lý Văn D3 là cán bộ lâm nghiệp xã H đến khu P thuộc thôn C, xã H, huyện B lấy tọa độ khu rừng trồng cây mỡ của Triệu Đào T để tiến hành thủ tục khai thác rừng trồng thì T có đưa cho ông T6 số tiền 400.000 đồng, sau đó ông T6 chia cho anh Lý Văn D3 200.000 đồng. T6 và D3 đến khu R trước thời điểm khu rừng tự nhiên bị T phát phá. Triệu Đào T khai nhận số tiền 400.000 đồng đưa cho Nông Phan T6 để mời T6 và D3 uống nước sau khi đã đo tọa độ đất xong cho T, không nhằm mục đích để xin T6 tạo điều kiện hoặc bỏ qua cho T thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Tại kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 09/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với khu rừng bị thiệt hại là rừng sản xuất – rừng tự nhiên, diện tích bị hủy hoại 6.591,7m², lâm sản thiệt hại 3,822m³ với số tiền là 17.522.910 đồng (mười bảy triệu, năm trăm hai hai nghìn, chín trăm mười đồng).

Tại giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và yêu cầu bị cáo phải trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích bị hủy hoại, bảo đảm cây đã trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Kết quả trong hồ sơ thể hiện: Bị cáo đã trồng trên diện tích đất rừng bị hủy hoại hơn 1.200 cây mỡ, hiện tại đang sinh trưởng và phát triển tốt.

Với hành vi trên, bản Cáo trạng số: 06/CT-VKSBB ngày 31/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Triệu Đào T về tội: “Hủy hoại rừng”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Triệu Đào T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Triệu Đào T phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, mục đích phạm tội là để phát triển kinh tế gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Đối với 3,822 m³ gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII do bị cáo chặt phá, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, hóa giá, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 con dao quắm bằng kim loại có một lưỡi sắc, tổng chiều dài 50cm, cán dao làm bằng gỗ kích thước 16cm, thân dao bằng kim loại có kích thước 34cm là công cụ bị cáo dùng để chặt phá các cây gỗ, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 02 con dao những người phát thuê sử dụng do hỏng nên đã vứt bỏ, 01 máy cưa xăng cầm tay dùng để cắt hạ cây đã bán cho người không quen biết nên không thu giữ được, đề nghị không xem xét xử lý.

- Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng theo bản cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát. Tại phần tranh luận, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân phạm tội do bị cáo không biết chữ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn và căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội để xem xét mức hình phạt khởi điểm theo đề nghị của Viện kiểm sát là 18 tháng tù và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, Kiểm sát viên, người bào chữa là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự và những người làm chứng, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, nguyên đơn dân sự, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong

hồ sơ, nguyên đơn dân sự đã nêu rõ yêu cầu đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Triệu Đào T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Tháng 6 năm 2023, Triệu Đào T đã có hành vi phát phá trái phép khu rừng Pù Mèn thuộc thôn C, xã H, huyện B. Diện tích rừng bị hủy hoại là 6.591,7m², lâm sản thiệt hại còn tại hiện trường là 3,822m³ gỗ thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, giá trị thiệt hại theo kết luận định giá tài sản là 17.522.910 đồng (*mười bảy triệu, năm trăm hai hai nghìn chín trăm mười đồng*).

Đối chiếu với bản đồ rà soát, quy hoạch 03 loại rừng xã H, huyện B ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và Quyết định 238/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND huyện B về việc công bố hiện trạng rừng trên địa bàn huyện B thì diện tích bị cáo phát phá tại các lô 69, 71, 73 khoảnh 1 tiểu khu F là loại rừng sản xuất - rừng tự nhiên.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã được tuyên truyền và nhận thức rõ hành vi chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn phát triển kinh tế gia đình nên vẫn cố ý thực hiện; Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của nhà nước, gây ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định, bền vững của môi trường sinh thái tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Triệu Đào T phạm tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông đến dưới 10.000 mét vuông;

....”

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối*

cải"; bị cáo đã tự nguyện trồng cây gỗ mỡ trên toàn bộ diện tích đất rừng bị phá, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*". Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo phạm tội do hoàn cảnh khó khăn, muốn có đất để trồng rừng phát triển kinh tế gia đình; Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, người bào chữa đề nghị là có căn cứ, đã thể hiện sự khoan hồng và bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật để phòng ngừa chung đối với các hành vi hủy hoại rừng trên địa bàn huyện B hiện nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Hình phạt bổ sung: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự xét thấy: Bị cáo là lao động tự do, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định, mục đích phạm tội là để phát triển kinh tế gia đình nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Bị cáo đã trồng cây mỡ lên toàn bộ diện tích rừng bị hủy hoại, hiện sinh trưởng và phát triển tốt, nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 3,822 m³ gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII do bị cáo chặt phá hiện nay do Ủy ban nhân dân xã H quản lý; xác định Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn là cơ quan có thẩm quyền quản lý Nhà nước đối với số gỗ nêu trên nên tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước, giao cho Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 con dao quắm bằng kim loại có một lưỡi sắc, tổng chiều dài 50cm, cán dao làm bằng gỗ kích thước 16cm, thân dao bằng kim loại có kích thước 34cm là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phát phá rừng trái phép, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 02 con dao những người phát thuê sử dụng do hỏng nên đã vứt bỏ trước đó, 01 máy cưa xăng cầm tay dùng để cắt hạ cây đã bán cho người không quen biết nên không thu giữ được; Đối với số gỗ đã mang ra khỏi hiện trường, bị cáo Triệu Đào T khai nhận không nhớ cụ thể đã sử dụng bao nhiêu gỗ để làm lán, chuồng trại, số gỗ còn lại đã sử dụng hết để đun bếp nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ được. Hội đồng xét xử không xem xét xử lý đối với các vật chứng nêu trên.

[7] *Về án phí*: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] *Vấn đề khác*:

- Đối với Triệu Tồn L, Triệu Văn N, Triệu Tạ C khi thực hiện hành vi phát phá rừng trái phép vào tháng 6/2023 đều chưa đủ 16 tuổi nên không cấu thành tội phạm.

- Đối với Lý Thị P phát phá rừng trong 01 buổi và chỉ phát được diện tích khoảng 40m² sau đó đi làm thuê, Toà không yêu cầu P phải phát phá như thế nào, P cũng không biết sau đó T phát phá cùng với ai, diện tích bao nhiêu; Púng không có tiền án, tiền sự về hành vi hủy hoại rừng. Do vậy hành vi của Lý Thị P không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển đến cơ quan chức năng để xem xét xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

- Đối với Lý Kiềm O cho T mượn xe moóc máy cày, Phùng Kiềm C2 dùng xe tắc tở chở gỗ cho Triệu Đào T, nhưng O, C2 đều không biết hành vi vi phạm của T nên không xem xét xử lý.

- Hành vi của Nông Phan T6 và Lý Văn D3 nhận 400.000 đồng của Triệu Đào T không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên không cấu thành tội phạm.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã kiến nghị đến cơ quan quản lý cán bộ để xem xét, xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Đào T phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Đào T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Đào T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực

hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao quắm, tổng chiều dài 50cm, cán dao bằng gỗ, kích thước 16 cm, thân dao bằng kim loại kích thước 34 cm (dao đã qua sử dụng);

- Tịch thu 3,822 m³ gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII nộp vào Ngân sách Nhà nước. Giao Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/5/2024 giữa Công an huyện B với UBND xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/4/2025 giữa Công an tỉnh B với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Đào T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người bào chữa;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ - CAT;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Triệu Thị Út Hiền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể; (1)
- Công an huyện Ba Bể; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Anh Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể; (1)
- Công an huyện Ba Bể; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Nguyên đơn Dân sự; (1)
- Người có QL, NVLQ; (3)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể; (1)
- Công an huyện Ba Bể; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Anh Tuấn

- *Lưu hồ sơ vụ án; (1)*
- *Lưu Văn phòng. (1)*